

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 291/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23 – 9 – 2020

“Về tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hứa Minh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Xuân Minh
2. Ông Huỳnh Văn Năm

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Minh Chiến, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 262/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1990.

Địa chỉ cư trú: Ấp K H B, xã K H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Phan Văn Ng, sinh năm: 1982.

Địa chỉ cư trú: Ấp K H B, xã K H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 05/3/2020 và tại phiên toà, chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Phan Văn Ng xác lập quan hệ hôn nhân và chung sống vợ chồng vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K H, huyện T, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục, tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận.

Quá trình chung sống, chị N cho rằng cuộc sống vợ, chồng không hạnh phúc do tính tình không hòa hợp nhau, thường xuyên cự cãi, tình cảm phai nhạt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị đã ly thân anh Ng nhiều tháng nay. Do đó, chị

xét thấy tình cảm vợ, chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ng.

- Về con chung: Chị N xác định giữa chị và anh Ng có 02 người con chung là Phan Thị Khánh B, sinh ngày 10/10/2011 và Phan Khánh Đ, sinh ngày 19/12/2014, hiện các con đang sống chung với chị và anh Ng. Khi ly hôn, chị yêu cầu con theo ai thì người đó nuôi, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị N xác định vợ, chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị N khai giữa vợ, chồng chị không thiếu nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng chị.

* Đối với anh Phan Văn Ng, mặc dù đã được Toà án tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh biết để tham gia hoà giải và xét xử vụ án thông qua thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng nhưng anh Ng vẫn không có ý kiến phản hồi, đồng thời cũng không có mặt tại phiên Tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Về loại việc tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Tranh chấp giữa chị N và anh Ng là tranh chấp về ly hôn và nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với việc vắng mặt của anh Ng: mặc dù đã được Toà án tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh biết để tham gia hoà giải và xét xử vụ án thông qua thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng nhưng anh Ng vẫn không có ý kiến phản hồi, đồng thời cũng không có mặt tại phiên Tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Ng theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Phan Văn Ng xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 2011 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Xét mâu thuẫn thực tế là có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ, chồng của anh chị có nhiều điểm bất đồng, không hòa hợp nhau, thường xuyên cãi vã, tình cảm phai nhạt, làm mất lòng tin đối với nhau, mỗi người có cuộc sống và mối quan hệ riêng tư, không quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh Ng là có căn cứ.

[3] Về con chung: Chị N xác định giữa chị và anh Ng có 02 người con chung là Phan Thị Khánh B, sinh ngày 10/10/2011 và Phan Khánh Đ, sinh ngày 19/12/2014, hiện các con đang sống chung với chị và anh Ng. Khi ly hôn, chị yêu cầu con theo ai thì người đó nuôi, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét

thấy: Tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: ***“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”***. Tòa án tiến hành ghi ý kiến của cháu B thì nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với chị N nên cần tôn trọng nguyện vọng của cháu B, tiếp tục giao cháu B cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với cháu Đ hiện còn nhỏ và do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên tình cảm giữa mẹ, con, chị, em của cháu Đ với chị N và cháu B thường ngày khắng khít bên nhau, cháu đã quen với cuộc sống, sinh hoạt thường ngày của cháu, sự gần gũi, tình cảm thân thiện của các con dành cho chị N sâu sắc hơn. Nếu giao cháu Đ cho anh Ng nuôi dưỡng sẽ làm thay đổi đột ngột môi trường sống của cháu, làm ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm, sự phát triển bình thường về mọi mặt của trẻ thơ. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Đ cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Ng không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, chị N không đặt ra yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị N xác định vợ, chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị N khai giữa vợ, chồng chị không thiếu nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng chị nên không đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N về việc ly hôn anh Phan Văn Ng.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Phan Thị Khánh B, sinh ngày 10/10/2011 và cháu Phan Khánh Đ, sinh ngày 19/12/2014 cho chị Nguyễn Thị N

trực tiếp nuôi dưỡng; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh Phan Văn Ng không trực tiếp nuôi con vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị N xác định vợ, chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị N khai giữa vợ, chồng chị không thiếu nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng chị nên không đề cập giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị N phải chịu 300.000đ. Ngày 05 tháng 3 năm 2020, chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số: 3380 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Ng được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- UBND xã K H, huyện T;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Hứa Minh Hải